

THỰC TRẠNG NHU CẦU TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CỦA HỌC SINH Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH THANH HÓA

Cao Xuân Hải¹, Lê Tuyết Mai¹, Phạm Thị Thu Hoà¹

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến thực trạng nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hoá. Kết quả chỉ ra rằng, phần lớn học sinh tham gia khảo sát đều có nhu cầu tư vấn hướng nghiệp ở mức độ cần thiết. Trong đó, biểu hiện và mức độ nhu cầu của học sinh cao hơn thuộc về nhu cầu tư vấn về thị trường lao động, tiếp đến là nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý bản thân phù hợp với nghề. Nhu cầu tư vấn lựa chọn, sử dụng hình thức tư vấn hướng nghiệp và nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề tuy chưa cao bằng các nội dung trên nhưng cũng phản ánh được mong muốn của học sinh cần được cung cấp thông tin cả nội dung và hình thức tư vấn hướng nghiệp làm cơ sở để các em có thể đưa ra quyết định lựa chọn nghề phù hợp.

Từ khóa: *Nhu cầu, tư vấn hướng nghiệp, nhu cầu tư vấn hướng nghiệp, học sinh trung học phổ thông.*

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.85.3.2026.944>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu của mỗi con người cảm thấy cần được thoả mãn để tồn tại và phát triển. Tư vấn hướng nghiệp (TVHN) là nhu cầu không thể thiếu của học sinh trung học phổ thông (THPT). Bởi mỗi học sinh đều có những phẩm chất, đặc điểm tâm sinh lý tương đối ổn định phù hợp với những nhóm nghề nhất định. Nếu các em chọn được nghề phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội, sẽ phát huy được năng lực của mình và cống hiến được nhiều cho đất nước. Và ngược lại, nếu các em lựa chọn nghề mà các em không thích hoặc không phù hợp với nhu cầu xã hội đều gây ra những hệ quả không tốt.

Tuy nhiên, trên thực tế nhu cầu này vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức. Hệ quả là nhiều học sinh còn tỏ ra lúng túng trong việc chọn trường, chọn ngành học, chọn nghề cho tương lai. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, hàng năm số lượng sinh viên bị cảnh cáo học vụ, đình chỉ học tập tại các trường bình quân khoảng từ 10 - 15%; cá biệt có trường tỉ lệ sinh viên bỏ học hoặc bị đình chỉ học tập lên tới 23% vì thiếu cố gắng, ý thức kém trong học tập mà một trong những nguyên nhân chính là việc lựa chọn nghề không phù hợp [3]. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó phần lớn là do công tác TVHN ở trường THPT chưa được quan tâm đúng mức, cán bộ TVHN chưa được đào tạo bài bản, thiếu kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, vì vậy công tác TVHN chưa hiệu quả, còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

¹ Khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức; Email: caoxuanhai@hdu.edu.vn

Vì vậy, việc tìm hiểu một cách chính xác các biểu hiện và các mức độ nhu cầu TVHN của học sinh từ đó giúp các nhà trường đưa ra các biện pháp, phương thức thỏa mãn nhu cầu của các em là hết sức quan trọng và cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông

Tác giả Lê Duy Hùng (2018) cho rằng, TVHN là quá trình nhà tư vấn cung cấp cho học sinh những tri thức cơ bản của các môn học, những hiểu biết về các ngành nghề trong xã hội, giúp học sinh nhận thức đúng đắn hơn về nghề nghiệp mà mình định chọn; đồng thời giúp cho các em tự đánh giá những đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân từ đó giúp cho các em có thể tự đối chiếu những đặc điểm tâm sinh lý của mình với những yêu cầu của nghề nghiệp đòi hỏi, để các em tự xác định được nghề nghiệp tương lai phù hợp của mình [1; tr.42].

Mục đích của TVHN là giúp học sinh nhận biết được những đặc điểm tâm sinh lý vốn có của bản thân và những nhu cầu của xã hội trong lựa chọn nghề.

Từ đó chúng ta có thể hiểu: “TVHN cho học sinh THPT là sự tác động của nhà tư vấn đến học sinh nhằm nâng cao nhận thức nghề về đặc điểm nghề, nhu cầu xã hội đối với nghề và hiểu biết về đặc điểm thể chất và tâm lý bản thân (hoặc đặc điểm cá nhân - bao gồm tâm - sinh lý); trên cơ sở đó đưa ra cho học sinh những lời khuyên đúng đắn về chọn nghề, có căn cứ khoa học, và loại bỏ những trường hợp thiếu chín chắn khi chọn nghề”.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu này là: Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát, phương pháp xin ý kiến chuyên gia, phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu.

2.3. Địa bàn khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện tại 3 trường THPT tỉnh Thanh Hoá đó là: Trường THPT Lương Đắc Bằng; Trường THPT Hoàng Hoá III; Trường THPT Hoàng Hoá IV.

2.4. Khách thể khảo sát

Chúng tôi lựa chọn tổng số mẫu khách thể khảo sát là 105 học sinh lớp 11 và lớp 12, các trường THPT được nghiên cứu. Sở dĩ chúng tôi lựa chọn nhóm khách thể này là do các em đang bước vào những năm học cuối cấp, việc lựa chọn học nghề hay đại học, học trường nào đang là mối quan tâm hàng đầu trong đời sống tâm lý của các em. Đối với giáo viên, chúng tôi chỉ tiến hành phỏng vấn, quan sát nhằm thu thập những thông tin định tính hỗ trợ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu.

2.5. Nội dung nghiên cứu

Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung làm rõ những biểu hiện và mức độ nhu cầu TVHN của học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá gồm các nội dung như: Nhu cầu tư vấn về thị trường lao động; Nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề; Nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý học sinh phù hợp với nghề; Nhu cầu tư vấn sử dụng các hình thức TVHN.

2.6. Tiêu chí đánh giá và thang đo

Tiêu chí đánh giá thực trạng nhu cầu TVHN của học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hóa gồm: Nhu cầu tư vấn về thị trường lao động; Nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề; Nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý của học sinh phù hợp với nghề; Nhu cầu tư vấn sử dụng các hình thức TVHN. Các items được thiết kế 4 phương án để học sinh lựa chọn mức độ nhu cầu. Thang đo được sử dụng với 4 mức độ và quy ước điểm theo các mức: Mức 4 (4 điểm): Rất cần thiết; Mức 3 (3 điểm): Cần thiết; Mức 2 (2 điểm): Có cũng được, không có cũng được; Mức 1 (1 điểm): Không cần thiết. Điểm trung bình giữa các mức của thang đo là 0,75. Các mức độ của thang đo như sau: Mức 4, Điểm TB từ: $3.25 < X \leq 4.0$; Mức 3, Điểm TB từ: $2.50 < X \leq 3.25$; Mức 2, Điểm TB từ: $1.75 < X \leq 2.50$; Mức 1, Điểm TB từ: $1.0 \leq X \leq 1.75$.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng nhu cầu tư vấn về thị trường lao động của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa

Để tìm hiểu thực trạng này chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 105 học sinh lớp 11 và 12 ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá. Kết quả được tổng hợp ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng nhu cầu tư vấn về thị trường lao động của học sinh

Nhu cầu hiểu biết về thị trường lao động	Tỷ lệ % các mức độ								ĐTB	TB
	4		3		2		1			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. NCTV về nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế hiện tại và tương lai	19	18,09	31	29,52	38	36,19	17	16,19	2,49	5
2 NCTV về nghề có khả năng xin được việc, số lượng tuyển dụng	43	40,95	55	52,38	7	6,66	0	0	3,34	1
3. NCTV về yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nghề	26	24,76	36	34,28	37	35,23	6	5,71	2,78	3
4. NCTV về mức lương trung bình của nghề đó trên thị trường.	29	27,61	33	31,42	39	37,14	4	3,8	2,82	2
5. NCTV về các điều kiện làm việc của nghề	23	21,9	34	32,38	41	39,04	7	6,66	2,69	4
Tổng chung									2,82	

Ghi chú: Mức 4: Rất cần thiết; Mức 3: Cần thiết; Mức 2: Có cũng được, không có cũng được; Mức 1: Không cần thiết

Xét một cách khái quát cho thấy, đánh giá của học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá về biểu hiện và mức độ nhu cầu tư vấn về thị trường lao động ở mức độ 3, *mức cần thiết*, với ĐTB 2,82. Ở mức độ này học sinh đã nhận thức được tầm quan trọng của thị trường lao động và hiểu rằng đây có thể là một phương pháp hỗ trợ hiệu quả giúp các em đưa ra quyết định lựa chọn nghề đúng đắn, phù hợp với xu hướng, nguyện vọng của cá nhân.

Tuy nhiên, vẫn chưa thực sự thôi thúc mạnh mẽ bản thân tìm đến các chuyên gia TVHN hoặc các em mong muốn được TVHN nhưng còn tỏ ra e ngại đôi chút khi tiếp cận chuyên gia, dịch vụ tư vấn.

Đi sâu phân tích từng tiêu chí cho thấy, có sự phân tán không đồng đều về ĐTB và thứ bậc trong bảng mức độ, biểu hiện nhu cầu tư vấn về thị trường lao động của học sinh ở một số trường THPT. Cụ thể như: “NCTV về nghề có khả năng xin được việc, số lượng tuyển dụng” (ĐTB 3,34) của các em ở *mức rất cần thiết*. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu, bởi thực tế việc các em chọn nghề, chọn trường học xét cho cùng cũng chính là khả năng xin được việc sau khi tốt nghiệp. Vậy nên đa số học sinh quan tâm đến đầu ra trước khi chọn đầu vào. Đây cũng là mong muốn hoàn toàn chính đáng của học sinh và cũng là mối quan tâm của phần lớn phụ huynh. Yếu tố này là động lực thúc đẩy các em chủ động tìm đến các dịch vụ tư vấn, nhà tư vấn để được thỏa mãn nhu cầu. Tiếp đến là tiêu chí: “NCTV về mức lương trung bình của nghề đó trên thị trường” (ĐTB 2,82), mức độ 2, mức cần thiết. Điều này cũng hợp lý bởi vì tiền lương cũng là yếu tố giúp con người ổn định cuộc sống và yên tâm cống hiến, phát triển nghề nghiệp. Lần lượt xếp ở vị trí thứ 3 và thứ 4 là: “NCTV về yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với nghề,” (ĐTB 2,78); cũng như vậy, “NCTV về các điều kiện làm việc của nghề” (ĐTB 2,69), điều kiện làm việc tốt tạo môi trường thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công việc. Như vậy có thể thấy, việc chọn nghề của học sinh gắn với thực tế nhu cầu lao động xã hội.

Xếp ở vị trí cuối cùng trong bảng là: “NCTV về nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế hiện tại và tương lai (ĐTB 2,49), mức độ 2, mức độ có cũng được, không có cũng được. Song trên thực tế, vẫn có những học sinh nhận thức được sự mong muốn cần tư vấn về nhu cầu nguồn lao động của các ngành nghề trong xã hội.

Chia sẻ với chúng tôi về vấn đề này, em N.L.B học sinh lớp 12 cho biết: *“Em hiểu được rằng, sau 4 đến 5 năm tốt nghiệp đại học nhu cầu sử dụng nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế đã có nhiều biến động rất khó lường; nhất là trong giai đoạn này đất nước đang thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế trong các cơ quan, tổ chức chính quyền từ trung ương đến địa phương. Vì vậy em cũng mong muốn được biết để tính toán việc chọn trường, chọn nghề để có định hướng sát thực hơn”*

Thêm nữa Thầy N. V. Q, Trường THPT Hoàng Hoá III cũng tâm sự: *“Hiện nay sự chuyển dịch về nguồn lao động trong từng ngành nghề hết sức phức tạp, việc cập nhật tình hình biến động lao động của các ngành nghề gặp nhiều khó khăn. Do vậy, khi TVHN cho học sinh chúng tôi cũng khuyên các em nên cân nhắc đến điều đó”* (trích biên bản phỏng vấn)

Nhìn chung, học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá được nghiên cứu đã nhận thức được sự mong muốn cần được tư vấn các thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động xã hội với nghề, mức lương và điều kiện làm việc nhưng các em đánh giá chưa đúng mức vai trò của các yếu tố như nhu cầu nguồn lao động của địa phương, quốc gia và quốc tế, điều này ảnh hưởng ít nhiều đến quyết chọn nghề và khả năng xin việc của các em. Vì vậy, nhà tư vấn cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề này nhằm mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong công tác TVHN cho học sinh.

3.2. Thực trạng nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa

Bảng 2. Thực trạng NCTV về nghề và yêu cầu của nghề của học sinh

Nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề	Tỷ lệ % các mức								ĐTB	TB
	4		3		2		1			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. NCTV về đặc điểm và giá trị của từng nghề trong xã hội	22	20,95	30	28,57	45	42,85	8	7,61	2,62	5
2. NCTV về thông tin tuyển sinh của các trường Đại học, cao đẳng, trường nghề trong nước và quốc tế	25	23,81	37	35,23	43	40,95	0	0	2,82	2
3. NCTV về những đơn vị có thể làm việc của nghề sau khi tốt nghiệp.	29	27,61	41	39,04	35	33,33	0	0	2,94	1
4. NCTV về môi trường làm việc của nghề	25	23,81	31	29,52	35	33,33	14	13,33	2,63	4
5. NCTV về những yêu cầu về thể chất, tâm lý đối với nghề.	20	19,04	39	37,14	31	29,52	15	14,28	2,60	6
6. NCTV về những thách thức và triển vọng phát triển của nghề ở hiện tại và tương lai	20	19,04	36	34,28	34	32,38	15	14,28	2,58	7
7. NCTV về đối tượng lao động của nghề	21	20,0	37	35,23	37	35,23	10	9,52	2,65	3
Tổng chung									2,68	

Ghi chú: Mức 4: Rất cần thiết; Mức 3: Cần thiết; Mức 2: Có cũng được, không có cũng được; Mức 1: Không cần thiết

Kết quả bảng 3.2 cho thấy, đa số học sinh nhận thức được nhu cầu cần tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề ở mức 3, *mức độ cần thiết* với ĐTB 2,68. Có thể phân tích các kết quả cụ thể hơn như sau: trong quá trình tham gia hoạt động TVHN, những thông tin về nghề và yêu cầu của nghề mà học sinh có nhu cầu tư vấn cao hơn đó là “NCTV về những đơn vị có thể làm việc của nghề sau khi tốt nghiệp” (ĐTB 2,94), xếp thứ 1; “NCTV về những thông tin tuyển sinh của các trường Đại học, cao đẳng, trường nghề trong nước và quốc tế” (ĐTB 2,82), xếp thứ 2. Điều này minh chứng rằng, việc làm sau khi tốt nghiệp và thông tin tuyển sinh của các trường luôn là vấn đề được các em mong muốn được tư vấn hơn cả để đảm bảo chắc chắn rằng mình có thể đưa ra quyết định lựa chọn nghề đúng đắn. Tiếp đến là “NCTV

về đối tượng lao động của nghề (ĐTĐB 2,65); “NCVT về môi trường làm việc của nghề” (ĐTĐB 2,63) và “NCTV về đặc điểm và giá trị của từng nghề trong xã hội” (ĐTĐB 2,62). Kết quả khảo sát này cho thấy, học sinh nhận thức rõ sự cần thiết được cung cấp bức tranh chung về hệ thống nghề và đặc điểm nghề mà các em định chọn, môi trường làm việc là những nội dung cần thiết và quan trọng trước khi đưa ra quyết định chọn nghề phù hợp.

Tuy nhiên, một số nội dung học sinh mong muốn được tư vấn song mức độ chưa cao như: “NCTV về những yêu cầu về thể chất, tâm lý đối với nghề (hứng thú, năng lực, tính cách, khí chất)” (ĐTĐB 2,60). “NCTV về những thách thức và triển vọng phát triển của nghề ở hiện tại và tương lai” (ĐTĐB 2,58). Có lẽ, nhận thức của học sinh THPT về việc được tư vấn để hiểu những yêu cầu thể chất, tâm lý, thách thức và triển của nghề không quan trọng bằng việc được tư vấn về đặc điểm của nghề, môi trường làm việc. Điều này có thể gây cho học sinh những khó khăn sau này, bởi vì để thành công trong tương lai đối với nghề mình định chọn thì ngoài việc hiểu được nghề đó thì cá nhân cần phải tính đến những yêu cầu của nghề đối với người lao động về thể chất, tâm lý, những nơi làm việc, triển vọng của nghề. Thực tế có nhiều học sinh chọn những nghề để học mà hiện tại xã hội đang cần, nhưng đến khi học xong nhu cầu lao động của xã hội về nghề đó giảm đi, điều đó ảnh hưởng đến khả năng xin việc sau khi tốt nghiệp.

Như vậy, xét trên bình diện nhận thức, học sinh đã nhận thấy được sự cần thiết được tư vấn những nội dung thông tin nghề. Tuy nhiên cũng cần nhìn nhận lại thực tế hiện nay, công tác TVHN ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá cũng còn nhiều điều bất cập, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn cũng chưa thực sự chuyên nghiệp, thiếu cả về số lượng, chất lượng [1]. Tìm hiểu sâu về vấn đề này chúng tôi tiến hành phỏng vấn Thầy giáo N.B.M, thầy tâm sự: *“Hiện nay trường mình chưa có giáo viên chuyên biệt về TVHN mà chủ yếu là đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, họ chưa được đào tạo bài bản mà chủ yếu tư vấn cho học sinh dựa trên kinh nghiệm, nhiều giáo viên gặp khó khăn khi được giao nhiệm vụ tư vấn cho học sinh”*

Cô giáo N.T.V.A cũng cho biết thêm: *“Khi học sinh hỏi về yêu cầu của nghề, triển vọng của nghề trong tương lai mình cố gắng cung cấp những thông tin mà mình có được, nhưng có thể sẽ không được đầy đủ vì có rất nhiều ngành nghề mình chưa nắm hết được thông tin cũng như chưa có phác đồ nghề để hiểu và hướng dẫn cho các em. Mặt khác, xu hướng biến động của thị trường lao động cũng hết sức phức tạp, hôm nay ngành này đang hot nhưng 5 đến 10 năm nữa chưa biết sẽ thế nào. Nên có nhiều trường hợp mình chỉ cung cấp nguồn để học sinh tự tìm hiểu”*

Điều này minh chứng thêm rằng, nhiều thầy cô làm công tác TVHN nhưng chưa hiểu đầy đủ về các khía cạnh khác nhau của hệ thống các ngành nghề trong xã hội, như vậy sẽ khó mà đáp ứng đầy đủ nhu cầu của học sinh. Đây cũng phản ánh một thực tế hiện nay, mặc dù học sinh THPT có nhu cầu được tư vấn về những nội dung liên quan đến yêu cầu của nghề định chọn, nhưng phần lớn các em lại chưa có đối tượng để thỏa mãn nhu cầu đó.

3.3. Thực trạng nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý bản thân phù hợp với nghề của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa

Bảng 3. Thực trạng tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý phù hợp với nghề của học sinh

Nội dung	Tỷ lệ % các mức								ĐTB	TB
	4		3		2		1			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Năng lực, tính cách, khí chất, hứng thú của bản thân phù hợp với nghề.	23	21,90	29	27,61	43	40,95	10	9,52	2,61	4
2. Điều kiện kinh tế gia đình đáp ứng cho việc học nghề của học sinh.	33	31,42	52	49,52	20	19,05	0	0	3,12	1
3. Xu hướng nghề của bản thân.	19	18,09	33	31,42	36	34,28	17	16,19	2,51	5
4. Năng khiếu, sở trường, học lực của bản thân phù hợp với nghề.	33	31,42	45	42,85	27	25,71	0	0	3,05	2
5. Hứng thú, ước mơ, hoài bão và mục tiêu của cuộc đời.	21	20,0	27	25,71	41	39,04	16	15,23	2,50	6
6. Sự tương quan giữa các chỉ số về thể chất với nghề học sinh sẽ chọn.	22	20,95	30	28,57	45	42,85	8	7,61	2,62	3
Tổng chung									2,73	

Ghi chú: Mức 4: Rất cần thiết; Mức 3: Cần thiết;

Mức 2: Có cũng được, không có cũng được; Mức 1: Không cần thiết

Kết quả tổng hợp bảng 3 cho thấy, học sinh mong muốn được tư vấn để khám phá bản thân để đối chiếu với yêu cầu của nghề mình định chọn, điều đó thể hiện ở ĐTB trong đánh giá của nhóm khách thể tham gia khảo sát đạt mức độ 3, mức cần thiết với ĐTB là 2,73. Mong muốn này của học sinh là hoàn toàn thỏa đáng bởi lẽ mỗi một nghề có các đặc trưng lao động riêng cũng như những yêu cầu khác nhau về năng lực, tính cách, kỹ năng cần có đối với người lao động.

Kết quả cũng cho thấy, trong 6 nội dung mà học sinh mong muốn được tư vấn về đặc điểm tâm lý và điều kiện của bản thân, nội dung có ĐTB khá cao đó là “Điều kiện kinh tế gia đình phù hợp với nghề định chọn” (ĐTB 3,12). Các em cho rằng, điều kiện kinh tế gia đình cũng là yếu tố quan trọng để các em đưa ra lựa chọn trường, ngành học bởi lẽ hiện nay chi phí học tập của một số trường danh tiếng ở thành phố lớn khá đắt đỏ nếu gia đình kinh tế eo hẹp thì việc chu cấp cho các em theo học cũng hết sức khó khăn. Nên các em mong muốn được tư vấn để tính toán kỹ lưỡng cho vấn đề này. Tiếp đến là nội dung “Năng khiếu, sở trường, học lực của bản thân để lựa chọn nghề” (ĐTB 3,05) là yếu tố quan trọng giúp các

em có thể học tốt hơn nghề mình sẽ chọn. Ngoài ra, học sinh cũng mong muốn được biết về mối tương quan giữa “Các chỉ số về thể chất để tìm ra sự phù hợp của bản thân với nghề” (ĐTB 2,62) cũng như “Năng lực, tính cách, khí chất của bản thân phù hợp với nghề” (ĐTB 2,61). Thực tế cho thấy, trước khi chọn nghề học sinh cần phải hiểu những yêu cầu của nghề đặt ra so với khả năng của bản thân để đưa ra quyết định phù hợp. Đây là điều kiện thuận lợi để các nhà TVHN có thể tác động TVHN cho học sinh. Kết quả này cũng thống nhất với tâm tư, nguyện vọng của đa số học sinh: “*Khi tham gia hoạt động TVHN chúng em mong muốn được thầy cô tư vấn để hiểu hơn về năng lực, tính cách sở trường của bản thân phù hợp với nghề nào? Đây là căn cứ quan trọng để chúng em đưa ra quyết định lựa chọn nghề*”, (Em N.T.M tâm sự)

Tuy nhiên, một số lưu ý ở đây là học sinh chưa thực sự đánh giá đúng vai trò của “Xu hướng nghề của bản thân” (ĐTB 2,51) và “Hứng thú, ước mơ, hoài bão và mục tiêu của cuộc đời” (ĐTB 2,50) đối với việc chọn nghề nhưng trên thực tế thì đây là yếu tố rất quan trọng bởi vì xu hướng nghề là ý định hướng tới mục tiêu lựa chọn nghề lý tưởng, thực hiện ước mơ cao, hoài bão của mình, tạo động lực thôi thúc các em vươn lên khẳng định mình trên bước đường sự nghiệp.

Tóm lại, kết quả phân tích bảng số liệu trên cho thấy, đa số học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá đều có nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý phù hợp với nghề ở mức độ cần thiết. Trong đó, các em có nhu cầu cao hơn trong việc tư vấn về đặc điểm tính cách, năng lực, sở trường của các em phù hợp với nghề; trong khi đó một bộ phận học sinh chưa thực sự chú trọng đến xu hướng, nguyện vọng, ước mơ, hoài bão của mình đối với nghề. Điều này rất có thể là yếu tố cản trở trong quá trình học nghề và khẳng định bản thân.

3.4. Thực trạng nhu cầu tư vấn lựa chọn, sử dụng hình thức tư vấn hướng nghiệp của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa

Hình thức TVHN là chiếc cầu nối giúp học sinh tiếp cận với nhà tư vấn, các dịch vụ tư vấn nhằm giải quyết được vấn đề mà bản thân đang trải qua. Trên thực tế, nhiều học sinh có nhu cầu TVHN nhưng các em còn tỏ ra lúng túng chưa biết nên lựa chọn hình thức nào cho hiệu quả. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này chúng tôi khảo sát 105 học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 4. Thực trạng NCTV lựa chọn, sử dụng hình thức TVHN của học sinh

Nội dung	Tỷ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Gián tiếp qua thư, email; mạng xã hội (zalo, facebook), đài truyền hình; điện thoại	27	25,71	40	38,09	38	36,19	0	0	2,89	2
2. Tư vấn cá nhân hoặc nhóm học sinh tại phòng tư vấn	22	20,95	24	22,85	43	40,95	16	15,23	2,49	8

3. Các nhà tư vấn tổ chức các buổi hội thảo với học sinh theo quy mô nhỏ (từ 10 đến 20 học sinh)	23	21,09	23	21,90	45	42,85	14	13,33	2,52	7
4. Tham quan trải nghiệm tại các trường đại học, cao đẳng, trường nghề	23	21,90	25	23,81	42	40,0	15	14,28	2,53	6
5. Tổ chức tư vấn cho học sinh tham gia các buổi học thực hành một nghề nào đó trong quá trình học ở trường phổ thông	28	26,66	26	24,76	43	40,95	8	7,6	2,78	3
6. Tổ chức tư vấn hướng nghiệp thông qua các môn học cơ bản	39	37,14	46	43,81	20	19,05	0	0	3,18	1
7. Tổ chức cho học sinh tham gia giao lưu ngày hội hướng nghiệp, tọa đàm với những chủ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng...nói về công việc, yêu cầu của nghề...	23	21,90	26	24,76	43	40,95	13	12,38	2,56	5
8. Tư vấn cho CM học sinh tại nhà hoặc thông qua các cuộc họp CM học sinh	25	23,81	25	23,81	41	39,04	14	13,33	2,58	4
Tổng chung									2,69	

Ghi chú: Mức 4: Rất cần thiết; Mức 3: Cần thiết; Mức 2: Có cũng được, không có cũng được; Mức 1: Không cần thiết

Xét một cách khái quát bảng 2.4 cho thấy, đa số học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá đều nhận thức mình cần được tư vấn về việc lựa chọn, sử dụng các hình thức TVHN ở mức cần thiết, với ĐTB là 2,69. Tuy nhiên, đi sâu phân tích biểu hiện mức độ nhu cầu về từng hình thức TVHN ta thấy có sự phân tán không đồng đều về ĐTB và vị trí thứ bậc trong bảng. Trong đó một số hình thức học sinh có nhu cầu cao hơn đó là “Tư vấn hướng nghiệp thông qua các môn học cơ bản” (ĐTB 3,18, mức cần thiết); “Tư vấn gián tiếp qua thư, email; mạng xã hội (zalo, facebook), đài truyền hình; điện thoại” (ĐTB 2,89); “Tư vấn cho học sinh tham gia các buổi học thực hành một nghề nào đó trong quá trình học ở trường phổ thông” (ĐTB 2,78). Có thể nói đây là những hình thức cơ bản trong TVHN, điều đó cho thấy học sinh mong muốn có được thông tin về các ngành nghề khác nhau thông qua thông qua kiến thức các môn học kết hợp thực hành nghề mà các em dự định sẽ lựa chọn hoặc có thể giải đáp những băn khoăn vướng mắc của các em một cách nhanh chóng qua các phương

tiện truyền thông như thư, email, zalo. Thực tế cũng cho thấy, hiện nay phần lớn các trường đều thành lập các nhóm Zalo, facebook TVHN, tư vấn tuyển sinh để giải quyết những băn khoăn, thắc mắc của học sinh khá hiệu quả.

Bên cạnh đó học sinh cũng mong muốn được thầy/cô “Tư vấn cho CM học sinh tại nhà hoặc thông qua các cuộc họp CM học sinh” (ĐTĐB 2,58) để cha mẹ có thể hỗ trợ, đồng hành cùng các em trong quá trình chọn nghề. Ngoài ra, hình thức “Tư vấn cho học sinh tham gia giao lưu ngày hội hướng nghiệp, tọa đàm với những chủ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng... nói về công việc, yêu cầu của nghề...” (ĐTĐB 2,56) cũng được học sinh đánh giá cao, bởi thông qua hình thức này các em sẽ có điều kiện được các chuyên gia TVHN đến từ các nhà trường Đại học, nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp cung cấp các thông tin bổ ích về tuyển sinh, thị trường lao động, yêu cầu nguồn lao động, vị trí việc làm,... điều này rất bổ ích đối với các em trong việc đưa ra quyết định chọn nghề. Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, Thầy C.T.H, Trường Lương Đắc Bằng cho biết thêm: *“Hàng năm, chúng tôi đều phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động, các công ty, doanh nghiệp, các trường Đại học trong và ngoài tỉnh tổ chức các chương trình TVHN, tư vấn tuyển sinh cho học sinh. Qua đó học sinh sẽ được cung cấp khá nhiều thông tin về thị trường lao động, việc làm, thông tin về ngành nghề hiện nay các trường đang đào tạo.... chương trình này đã thu hút khá đông đảo học sinh nhà trường tham gia, thậm chí cả những học sinh các trường lân cận”* (trích biên bản phỏng vấn)

Hình thức “Tư vấn cho học sinh đi học tập, tham quan thực tế tại các trường cao đẳng, đại học, cơ sở dạy nghề hoặc nhà máy” (ĐTĐB 2,53) cũng nhận được sự quan tâm của các em tuy không cao bằng các hình thức trên nhưng cũng cho thấy một bộ phận học sinh có mong muốn được tham quan, trải nghiệm thực tế tại các trường trước khi đưa ra lựa chọn nghề, trường học phù hợp. Song qua quan sát chúng tôi được biết, hiện nay không phải trường THPT nào trên địa bàn huyện cũng có thể tổ chức cho học sinh đi tham quan, trải nghiệm tại các trường đại học, cao đẳng nghề. Việc không được thỏa mãn đầy đủ các hình thức tư vấn rất có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định lựa chọn nghề của học sinh.

Một số điểm cần lưu ý ở đây là hình thức “Tư vấn cho học sinh tham gia các buổi hội thảo với học sinh theo quy mô nhỏ (từ 10 đến 20 học sinh)” (ĐTĐB 2,52), đặc biệt là “NTV làm việc trực tiếp với cá nhân hoặc nhóm học sinh tại phòng tư vấn” (ĐTĐB 2.49, có cũng được, không có cũng được) các em chưa có nhu cầu cao. Thực trạng này này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng trong số đó quan trọng nhất là hiện nay trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói chung, các trường THPT đều đã có phòng TVTL, TVHN nhưng hoạt động chưa hiệu quả, thiếu đội ngũ cán bộ phụ trách công tác TVHN được đào tạo bài bản.

Tóm lại, học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá có nhu cầu về việc sử dụng các hình thức TVHN ở mức độ cần thiết. Trong đó, học sinh có nhu cầu cao hơn thuộc về các hình thức tư vấn thông qua các môn học, thực hành nghề, qua zalo, facebook, tham quan trải nghiệm tại các trường Đại học, cao đẳng nghề; các hình thức các em có nhu cầu tư vấn chưa cao đó là tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm tại phòng tư vấn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu thực trạng nhu cầu TVHN của học sinh ở một số trường THPT tỉnh Thanh Hoá cho thấy, phần lớn học sinh tham gia khảo sát đều có nhu cầu TVHN ở mức độ cần thiết. Trong đó, học sinh có biểu hiện và mức độ nhu cầu cao hơn thuộc về nhu cầu tư vấn về thị trường lao động (ĐTB 2,82) và nhu cầu tư vấn về điều kiện và đặc điểm tâm lý bản thân phù hợp với nghề (ĐTB 2,73); nhu cầu tư vấn lựa chọn, sử dụng hình thức TVHN (ĐTB 2,69) và nhu cầu tư vấn về nghề và yêu cầu của nghề (ĐTB 2,68) tuy không cao bằng các nội dung trên song cũng phản ánh được mong muốn của học sinh cần được cung cấp thông tin cả nội dung và hình thức TVHN nhưng còn chung chung, chưa được cụ thể hoá. Chỉ khi nhu cầu được cụ thể hoá, cấp thiết thì mới chuyển hoá thành hành động hướng tới đối tượng để thoả mãn. Kết quả cũng chỉ ra rằng, học sinh có nhu cầu được TVHN hướng đến các đối tượng bên ngoài (thị trường lao động, khả năng sinh việc, mức lương, môi trường làm việc, ...) cao hơn là hướng vào bản thân (xu hướng nghề, năng lực, sở trường, hứng thú, ước mơ, hoài bão, ...) như một đối tượng cần hiểu; nói cách khác, nhu cầu hiểu về bản thân ở học sinh còn thấp. Điều này có thể dẫn đến các em gặp khó khăn trong việc đưa ra quyết định chọn nghề, học nghề và phát triển sự nghiệp của mình sau này. Nghiên cứu cũng phát hiện ra một số hạn chế, bất cập trong công tác TVHN, phương thức thoả mãn nhu cầu TVHN của học sinh ở một số trường THPT như thiếu cán bộ làm công tác TVHN chuyên nghiệp; kỹ năng TVHN của một bộ phận cán bộ làm công tác hướng nghiệp còn hạn chế.

Như vậy, kết quả nghiên cứu không chỉ phát hiện biểu hiện mức độ nhu cầu TVHN của học sinh mà còn chỉ ra bất cập giữa nhu cầu và phương thức thoả mãn nhu cầu. Qua đây tác giả mong muốn góp phần định hướng giúp các nhà trường, cán bộ làm công tác hướng nghiệp có những pháp hữu hiệu góp phần thoả mãn nhu cầu TVHN của học sinh THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Hà Nội.
- [2] Quang Dương (2010), *Tư vấn hướng nghiệp, Tập 1 và 2*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
- [3] Lê Duy Hùng (2018), *Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội.
- [4] Lê Duy Hùng, Cao Xuân Hải (2020), *A Pilot Result on Applying the Vocational School-based Program for Vietnamese High School Students based on a New Individual Guidance Approach*, European Journal of Educational Research 10.12973/eu-jer.9.3.1337, Pages: 1337-1346, Scopus Q3.
- [5] Claudia Crisana, Anisoara Paveleab, Oana Ghimbulutc (2014), *A Need Assessment on Students' Career Guidance*, The 6th International Conference Edu World 2014 Education Facing Contemporary World Issues, 7th - 9th November 2014.
- [6] R. Martinez, P. Dănilache (2008), *Socio-professional insertion: the analysis of transition towards active life and adult life in the context of the European Union*, Sociologie Românească, VI(2/2008):61-75.

CURRENT SITUATION OF CAREER GUIDANCE NEEDS AMONG STUDENTS IN SOME HIGH SCHOOLS IN THANH HOA PROVINCE

Cao Xuan Hai, Le Tuyet Mai, Pham Thi Thu Hoa

ABSTRACT

This article addresses the current state of career counseling needs among students in several high schools in Thanh Hoa province. The results indicate that the majority of surveyed students have a necessary need for career counseling. The highest level of need is for counseling regarding the labor market, followed by the need for counseling on personal characteristics and psychological suitability for a particular profession. While the need for counseling on career counseling methods and the need for counseling on professions and their requirements are not as high as the above, they still reflect students' desire for information on both the content and form of career counseling as a basis for making informed career choices.

Keywords: *Needs, career counseling, career counseling needs, high school students.*

* Ngày nộp bài: 1/6/2025; Ngày gửi phản biện: 3/6/2026; Ngày duyệt đăng: 30/3/2026